

THÔNG BÁO

Cách thức, kênh thông tin và các thủ tục hành chính thực hiện tại Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực mới thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng; Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng thông báo các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở cụ thể như sau:

1. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao: Theo phụ lục đính kèm

2. Cách thức tra cứu thủ tục, nộp hồ sơ, thanh toán, nhận kết quả, đánh giá thủ tục hành chính

Hiện nay, 128 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công thành phố tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức 4). Ngoài ra các thủ tục hành chính được công khai niêm yết tại tầng 1 - Trung tâm hành chính; và trên Trang Thông tin điện tử của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng tại địa chỉ vhtt.danang.gov.vn.

Để tiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng, Sở gửi hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Tra cứu thủ tục hành chính: Quét mã QRCode sau:



b) Nộp hồ sơ trực tuyến: Vào Trang [dichvucong.danang](http://dichvucong.danang.gov.vn) (hoặc mã QRCode) - chọn cá nhân (VNeID) hoặc tổ chức DN - đăng nhập tài khoản Định danh điện tử được cấp bởi Bộ Công an - Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng - Nộp hồ sơ trực tuyến (với thủ tục cần thực hiện).

c) Thanh toán trực tuyến: Đăng nhập vào tài khoản đã nộp hồ sơ - chọn cá nhân - chọn yêu cầu thanh toán - chọn thanh toán - chọn Công quốc gia, Vietinbank, Momo để thanh toán.

d) Tra cứu kết quả và đánh giá: Đăng nhập vào tài khoản đã nộp hồ sơ - cá nhân - bấm lịch sử giao dịch - chọn tra cứu kết quả hoặc đánh giá đối với hồ sơ đã nộp.

3. Kênh thông tin tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị, hướng dẫn nộp hồ sơ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính

a) Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Ô giao dịch: Ô số 26 - Sở Văn hóa và Thể thao, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tập trung tại Trung tâm Hành chính thành phố, số 03 Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Số điện thoại: (0236) 3821203 hoặc (0236) 3881888 (bấm số máy lẻ 426)

- Email: svhtt@danang.gov.vn

- Trang Thông tin điện tử: vhtt.danang.gov.vn - kênh thông tin tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị.

b) Thành phố Đà Nẵng

- Văn phòng UBND thành phố: (0236) 3825055

- Trung tâm Thông tin và giám sát điều hành thông minh: *1022 hoặc (0236) 1022

- Email tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của thành phố: kstthc@danang.gov.vn

Sở Văn hóa và Thể thao thông báo để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các quận, huyện;
- Tổ chức, cá nhân, DN thực hiện TTHC;
- Công Thông tin Điện tử TP;
- Giám đốc (đề báo cáo);
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT của Sở VH TT;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Vỹ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
TẠI SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Thông báo số /SVHTT-VP ngày tháng 4 năm 2025
của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng)

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	2.001631	
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	1.003838	
3	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	2.001613	
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793	
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	2.001591	
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738	
7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1.003646	
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1.003835	
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001106	
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001123	
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.001822	
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.002003	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1.003901	
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	2.001641	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
15	Thủ tục cấp giấy phép phân loại phim	1.011454	
16	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	1.001833	
17	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	1.001809	
18	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778	
19	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755	
20	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	1.001738	
21	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	1.001704	
22	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	1.001671	
23	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	
24	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182	
25	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191	
26	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211	
27	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001147	
28	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	1.004650	
29	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
30	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	
31	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004666	
32	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004662	
33	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008	
34	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922	
35	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	2.001496	
36	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	1.003784	
37	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	1.003743	
38	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	1.013456	
39	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1.003560	
40	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc	1.01015	
41	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu danh mục đối với đồ chơi trẻ em, máy móc thiết bị	1.010105	
42	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp	1.009397	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
	công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)		
43	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009398	
44	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1.009399	
45	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403	
46	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008895	
47	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896	
48	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897	
49	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003676	
50	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003654	
51	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012080	
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081	
53	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	
55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	
56	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441	
57	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983	
58	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của thành phố	1.001782	
59	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao thành phố tổ chức	1.002013	
60	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.000953	
61	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	
62	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	
63	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	
64	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	
65	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1.000883	
66	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	1.000863	
67	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
68	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830	
69	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	
70	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	1.000644	
71	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842	
72	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163	
73	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	
74	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1.000594	
75	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	
76	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	
77	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1.001213	
78	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518	
79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501	
80	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
81	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1.005357	
82	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801	
83	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	
84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	
85	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1.001517	
86	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527	
87	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056	
88	Thủ tục đăng cai thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	1.002022	
89	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản, văn hóa phi vật thể	1.001032	
90	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	1.000971	
91	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	1.000871	
92	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	1.000564	
93	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1.001376	
94	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	1.001108	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
95	Quy trình cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.006412	
96	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001082	
97	Quy trình gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	1.001091	
98	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.009374	
99	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	1.009386	
100	Cho phép hợp báo (trong nước)	2.001171	
101	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	2.001173	
102	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	2.001765	
103	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	1.003384	
104	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001098	
105	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	1.005452	
106	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001091	
107	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	2.001087	
108	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.002001	
109	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001976	
110	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002738	

STT	TÊN THỦ TỤC	MÃ TTHC	GHI CHÚ
111	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.001988	
112	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	1.004508	
113	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002739	
114	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	2.002740	
115	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1.003868	
116	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001594	
117	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	2.001584	
118	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	1.003729	
119	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	2.001564	
120	Cấp giấy phép hoạt động in	1.004153	
121	Cấp lại giấy phép hoạt động in	2.001744	
122	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001740	
123	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	2.001737	
124	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	1.003725	
125	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	1.003483	
126	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.003114	
127	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1.008201	
128	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	1.003888	

Tổng số: 128 TTHC

thultu-15/04/2025 15:52:13-thultu-thultu-thultu